TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2019/DS – ST
Ngày: 23/01/2019
V/v "hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung -** Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 323/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 06 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 543/2018/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm: 1977.
Địa chỉ: xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:
1/ Bà **Trần Thị Cẩm V**, sinh năm: 1971.
Địa chỉ: xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của bà V : Bà **Phan Thị Kim N**, sinh năm: 1991.
Địa chỉ: xã A, huyện C , thành phố Hồ Chí Minh.
2/ Ông **Phan Văn S**, sinh năm: 1969.
Địa chỉ: xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà S, bà N và ông S có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc S trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 28/4/2015, bà Nguyễn Ngọc S có cho bà Trần Thị Cẩm V vay số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu

đồng) để làm ăn, không thỏa thuận lãi, thời hạn vay là khi nào cần lấy tiền thì báo trước cho bà V 01 tháng, khoản vay này bà V chưa trả số tiền nào cho bà S.

Đến ngày 01/4/2016, bà V lại vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để lo cho gia đình, không thỏa thuận lãi, thời hạn vay là khi nào cần lấy tiền thì báo trước cho bà V 01 tháng. Như vậy, tổng số tiền bà V vay của bà S là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), bà V cam kết khi nào bà S đòi số tiền trên thì thông báo cho bà V trước 01 tháng.

Sau đó, bà S đã nhiều lần yêu cầu bà V trả số tiền trên nhưng bà V không trả. Đến ngày 17/6/2017, bà V cùng chồng là ông S lập cam kết với nội dung ngày 21/6/2017 sẽ trả cho bà S số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và số tiền 500.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) còn lại sẽ trả cho bà S trong vòng 01 tháng kể từ ngày 21/6/2017, tuy nhiên cho đến nay, bà V và ông S chưa trả cho bà S bất cứ số tiền nào.

Nay bà S yêu cầu bà V và ông S trả cho bà S số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), không yêu cầu trả lãi, trả một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị Cẩm V có bà Phan Thị Kim N đại diện trình bày:

Giữa bà Nguyễn Ngọc S và bà Trần Thị Cẩm V là chỗ quen biết nhau, nên bà V có vay mượn của bà S số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu đồng) để lo cho gia đình, không thỏa thuận lãi, thời hạn vay là khi nào cần lấy tiền thì bà S báo trước 01 tháng. Sau đó bà V có vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Trong quá trình vay mượn số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) thì bà V có trả lãi hàng tháng 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng), việc trả lãi không có lập giấy tờ gì.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà S yêu cầu bà V và ông S trả số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) thì N (đại diện bà V) đồng ý trả 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả chậm hàng tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ trên.

Bị đơn ông Phan Văn S trình bày: Ông là chồng của bà Trần Thị Cẩm V. Giữa bà V và bà S là hàng xóm quen biết nhau, việc vay mượn giữa bà V và bà S thì ông có biết bà V vay của bà S số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) để lo cho gia đình, số tiền này sử dụng trong gia đình.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà S thì ông cũng đồng ý trả số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả chậm hàng tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội

đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc S đối với bị đơn bà Trần Thị Cẩm V và ông Phan Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", bị đơn là bà Trần Thị Cẩm V và ông Phan Văn S có nơi cư trú ở tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2] Căn cứ Giấy mượn tiền lập ngày 28/4/2015 và giấy mượn tiền lập ngày 01/4/2016 và giấy cam kết ngày 17/6/2017 có chữ ký của bà Trần Thị Cẩm V có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Ngọc S và bà Trần Thị Cẩm V có giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau.

Giấy mượn tiền lập ngày 28/4/2015 với nội dung bà V vay của bà S số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất, khi nào cần lấy tiền thì bà S báo cho bà V trước 01 tháng. Đã nhiều lần bà S yêu cầu bà V trả số tiền trên nhưng bà V không trả. Đồng thời đại diện bị đơn cũng thừa nhận bà V có vay của bà S số tiền nêu trên.

Ngày 01/4/2016 hai bên lập tiếp giấy vay tiền với nội dung bà V vay của bà S số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi, khi nào cần lấy lại thì báo trước 01 tháng. Đối với khoản vay này, bà V cũng chưa trả cho bà S số tiền nào, đã nhiều lần bà S yêu cầu bà V trả số tiền trên nhưng bà V né tránh, không trả.

[3] Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"

[4] Căn cứ vào Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho nhau một thời gian hợp lý".

Như vậy, bà S đã nhiều lần yêu cầu bà V và ông S trả số tiền trên nhưng bà V và ông S không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

[5] Ngày 17/6/2017, bà V và ông S lập giấy cam kết với nội dung cam kết trả cho bà S số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) vào ngày 21/6/2017 và 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) còn lại bà V và ông S sẽ trả trong vòng 01 tháng. Như vậy, bà V và ông S đã vay của bà S 02 (hai) lần với tổng số tiền là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Sau đó, ông S và bà V lập cam kết sẽ trả cho bà S số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), đây chính là tổng số nợ của hai giấy mượn tiền nêu trên. Nay bà S yêu cầu bà V và ông S trả số nợ gốc 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu của bà S về việc yêu cầu bà V và ông S có trách nhiệm trả số tiền trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vay mượn tiền giữa bà S và bà V thì ông S có biết, số tiền vay này để phục vụ nhu cầu đời sống trong gia đình của bà V . Đồng thời ông S cũng đồng ý trả số nợ trên cho bà Sinh. Do đó, bà V và ông S có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

[7] Bà Phan Thị Kim N đại diện cho bà Trần Thị Cẩm V xác nhận bà V có vay của bà S 02 (hai) lần với tổng số tiền là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), mỗi tháng bà V có trả lãi cho bà S nhưng việc trả lãi này không có giấy tờ chứng minh và khi trả lãi cũng không làm giấy giao nhận tiền.

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định:

"Khoản 1: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

Khoản 4: Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án".

Do đó lời khai nêu trên của bà N (đại diện bà V) là không có cơ sở và căn cứ để chấp nhận.

[8] Mặt khác, từ khi bà V làm giấy mượn tiền, cho đến nay theo lời trình bày của nguyên đơn thì bà V vẫn chưa thực hiện việc trả tiền như đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ giao kết. Bà S có quyền đòi lại tài sản của mình. Việc bị đơn vi phạm thỏa thuận trả lại tài sản vay cho nguyên đơn, đồng thời kéo dài thời gian trả nợ là gây thiệt hại cho phía nguyên đơn.

[9] Nay nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc S yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Cẩm V và ông Phan Văn S phải trả số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), trả làm một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Hội đồng

xét xử xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc S là có cở sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc S đối với bà Trần Thị Cẩm V và ông Phan Văn S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trần Thị Cẩm V và ông Phan Văn S có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc S số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), trả làm một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thực hiện việc giao và nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà Nguyễn Ngọc S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Cẩm Vvà ông Phan Văn S chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì bà Trần Thị Cẩm V và ông Phan Văn S phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự: Bà Trần Thị Cẩm V và ông Phan Văn Sphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Ngọc S số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005190 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định